UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1164 /QĐ-SGDĐT

Ninh Bình, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Sở và các đơn vị thuộc Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo: Quyết định số 1083/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2025; Quyết định số 1113/QĐ-SGDĐT ngày 10/11/2025 về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (*theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Tài chính Sở và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Website Sở GDĐT;
- Sở Tài chính;
- Lưu:VT,TC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH

Ngô Quang Tuệ

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:								
			Văn phòng Sở GD&ĐT	Trường THPT chuyên Lương Văn Tuy	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT B Trần Hưng Đạo	Trường THPT Ninh Bình-Bạc Liêu	Trường THPT Hoa Lư A	Trường THPT Gia Viễn A	Trường THPT Gia Viễn B	Trường THPT Gia Viễn C
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**										
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-4.532.164.000**	**-6.834.055.000**	**-2.524.880.000**	**-30.753.000**	**-64.775.000**	**644.488.000**	**-11.990.000**	**-399.174.000**	**-116.029.000**	**39.860.000**
1	**Quản lý hành chính**	**-4.580.955.000**	**-4.580.955.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ	-4.580.955.000	-4.580.955.000								
	Chi thường xuyên không giao tự chủ	0									
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**48.791.000**	**-2.253.100.000**	**-2.524.880.000**	**-30.753.000**	**-64.775.000**	**644.488.000**	**-11.990.000**	**-399.174.000**	**-116.029.000**	**39.860.000**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ	0		-64.000.000			677.000.000		-309.000.000		
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	48.791.000	-2.253.100.000	-2.460.880.000	-30.753.000	-64.775.000	-32.512.000	-11.990.000	-90.174.000	-116.029.000	39.860.000
-	Loại 070-074	441.406.000	-2.256.025.000	-2.460.880.000	-30.753.000	-64.775.000	-32.512.000	-11.990.000	-90.174.000	-116.029.000	39.860.000
+	Chính sách trường chuyên	0		-2.451.280.000							
+	Chính sách An sinh xã hội	-958.629.050		-9.600.000	-30.753.000	-64.775.000	-32.512.000	-11.990.000	-90.174.000	-116.029.000	39.860.000
+	Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật	1.400.035.050	-2.256.025.000								
-	Loại 070-075 (Chính sách An sinh xã hội)	-48.791.000									
-	Loại 070-092	-395.540.000									
-	Loại 070-098	2.925.000	2.925.000								

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:										
		Trường THPT Nho Quan A	Trường THPT Nho Quan B	Trường THPT Nho Quan C	Trường THPT Dân tộc Nội trú	Trường THPT A Nguyễn Huệ	Trường THPT Ngô Thì Nhậm	Trường THPT Yên Mô A	Trường THPT Yên Mô B	Trường THPT Tạ Uyên	Trường THPT Kim Sơn A	Trường THPT Kim Sơn B
A	*B*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**156.927.000**	**64.015.000**	**-26.680.000**	**160.902.000**	**100.000.000**	**-42.361.000**	**-24.219.000**	**-129.909.000**	**-58.771.000**	**-70.937.000**	**-90.568.000**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ											
	Chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**156.927.000**	**64.015.000**	**-26.680.000**	**160.902.000**	**100.000.000**	**-42.361.000**	**-24.219.000**	**-129.909.000**	**-58.771.000**	**-70.937.000**	**-90.568.000**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ	218.000.000	-91.000.000	116.000.000					-90.000.000		-68.000.000	
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	-61.073.000	155.015.000	-142.680.000	160.902.000	100.000.000	-42.361.000	-24.219.000	-39.909.000	-58.771.000	-2.937.000	-90.568.000
	- Loại 070-074	-61.073.000	155.015.000	-142.680.000	160.902.000	100.000.000	-42.361.000	-24.219.000	-39.909.000	-58.771.000	-2.937.000	-90.568.000
	+ Chính sách trường chuyên											
	+ Chính sách An sinh xã hội	-61.073.000	155.015.000	-142.680.000	160.902.000	100.000.000	-42.361.000	-24.219.000	-39.909.000	-58.771.000	-2.937.000	-90.568.000
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật											
	+ Chính sách An sinh xã hội											
	- Loại 070-092											
	- Loại 070-098											

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 49

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:										
		Trường THPT Kim Sơn C	Trường THPT Bình Minh	Trường THPT Yên Khánh A	Trường THPT Yên Khánh B	Trường THPT Vũ Duy Thanh	Trường THPT A Bình Lục	Trường THPT B Bình Lục	Trường THPT C Bình Lục	Trường THPT A Duy Tiên	Trường THPT B Duy Tiên	Trường THPT chuyên Biên Hòa
A	*B*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-105.263.000**	**-167.529.000**	**-118.682.000**	**-51.952.000**	**-255.085.000**	**-69.161.650**	**-44.257.760**	**11.363.950**	**-29.126.460**	**59.119.290**	**-7.316.910**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ											
	Chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**-105.263.000**	**-167.529.000**	**-118.682.000**	**-51.952.000**	**-255.085.000**	**-69.161.650**	**-44.257.760**	**11.363.950**	**-29.126.460**	**59.119.290**	**-7.316.910**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ		-113.000.000	-73.000.000		-116.000.000						
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	-105.263.000	-54.529.000	-45.682.000	-51.952.000	-139.085.000	-69.161.650	-44.257.760	11.363.950	-29.126.460	59.119.290	-7.316.910
	- Loại 070-074	-105.263.000	-54.529.000	-45.682.000	-51.952.000	-139.085.000	-69.161.650	-44.257.760	11.363.950	-29.126.460	59.119.290	-7.316.910
	+ Chính sách trường chuyên											
	+ Chính sách An sinh xã hội	-105.263.000	-54.529.000	-45.682.000	-51.952.000	-139.085.000	-69.161.650	-44.257.760	11.363.950	-29.126.460	59.119.290	-7.316.910
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật											
	+ Chính sách An sinh xã hội											
	- Loại 070-092											
	- Loại 070-098											

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:										
		Trường THPT A Kim Bảng	Trường THPT B Kim Bảng	Trường THPT C Kim Bảng	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Trường THPT Bắc Lý	Trường THPT Nam Lý	Trường THPT Lý Nhân	Trường THPT A Thanh Liêm	Trường THPT B Thanh Liêm	Trường THPT C Thanh Liêm	Trường THPT A Phủ Lý
A	*B*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*	*39*	*40*	*41*	*42*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-33.714.940**	**-23.123.340**	**-18.161.900**	**-30.274.320**	**-18.115.000**	**5.400.000**	**-4.849.370**	**-7.233.830**	**-123.923.000**	**-19.759.940**	**-40.229.210**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ											
	Chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**-33.714.940**	**-23.123.340**	**-18.161.900**	**-30.274.320**	**-18.115.000**	**5.400.000**	**-4.849.370**	**-7.233.830**	**-123.923.000**	**-19.759.940**	**-40.229.210**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ									-60.000.000		
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	-33.714.940	-23.123.340	-18.161.900	-30.274.320	-18.115.000	5.400.000	-4.849.370	-7.233.830	-63.923.000	-19.759.940	-40.229.210
	- Loại 070-074	-33.714.940	-23.123.340	-18.161.900	-30.274.320	-18.115.000	5.400.000	-4.849.370	-7.233.830	-63.923.000	-19.759.940	-40.229.210
	+ Chính sách trường chuyên											
	+ Chính sách An sinh xã hội	-33.714.940	-23.123.340	-18.161.900	-30.274.320	-18.115.000	5.400.000	-4.849.370	-7.233.830	-63.923.000	-19.759.940	-40.229.210
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật											
	+ Chính sách An sinh xã hội											
	- Loại 070-092											
	- Loại 070-098											

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:										
		Trường THPT B Phủ Lý	Trường THPT C Phủ Lý	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	Trường THPT Nam Cao	Trường THPT A Nguyễn Khuyến	Trường THPT Lê Hoàn	Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong	Trường THPT A Trần Hưng Đạo	Trường THPT B Nguyễn Khuyến	Trường THPT Ngô Quyền	Trường THPT B Nguyễn Huệ
A	*B*	*43*	*44*	*45*	*46*	*47*	*48*	*49*	*50*	*51*	*52*	*53*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-34.629.000**	**-35.051.090**	**-55.400.300**	**1.911.750**	**-37.381.160**	**-18.835.860**	**2.452.480.000**	**-42.600.000**	**85.137.050**	**8.400.000**	**82.137.000**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ											
	Chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**-34.629.000**	**-35.051.090**	**-55.400.300**	**1.911.750**	**-37.381.160**	**-18.835.860**	**2.452.480.000**	**-42.600.000**	**85.137.050**	**8.400.000**	**82.137.000**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ			-42.000.000					-45.000.000			
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	-34.629.000	-35.051.090	-13.400.300	1.911.750	-37.381.160	-18.835.860	2.452.480.000	2.400.000	85.137.050	8.400.000	82.137.000
	- Loại 070-074	-34.629.000	-35.051.090	-13.400.300	1.911.750	-37.381.160	-18.835.860	2.452.480.000	2.400.000	85.137.050	8.400.000	82.137.000
	+ Chính sách trường chuyên							2.451.280.000				
	+ Chính sách An sinh xã hội	-34.629.000	-35.051.090	-13.400.300	1.911.750	-37.381.160	-18.835.860	1.200.000	2.400.000	6.600.000	8.400.000	3.600.000
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật									78.537.050		78.537.000
	+ Chính sách An sinh xã hội											
	- Loại 070-092											
	- Loại 070-098											

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1167/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:									
		Trường THPT Mỹ Lộc	Trường THPT Trần Văn Lan	Trường THPT Hoàng Văn Thụ	Trường THPT Lương Thế Vinh	Trường THPT Nguyễn Bỉnh	Trường THPT Nguyễn Đức Thuận	Trường THPT Tống Văn Trân	Trường THPT Mỹ Tho	Trường THPT Phạm Văn Nghị	Trường THPT Đại An
A	*B*	*54*	*55*	*56*	*57*	*58*	*59*	*60*	*61*	*62*	*63*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**										
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**137.641.000**	**36.949.000**	**63.387.000**	**600.000**	**41.752.000**	**600.000**	**52.833.000**	**370.704.000**	**123.120.000**	**135.642.000**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ										
	Chi thường xuyên không giao tự chủ										
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**137.641.000**	**36.949.000**	**63.387.000**	**600.000**	**41.752.000**	**600.000**	**52.833.000**	**370.704.000**	**123.120.000**	**135.642.000**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ										
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	137.641.000	36.949.000	63.387.000	600.000	41.752.000	600.000	52.833.000	370.704.000	123.120.000	135.642.000
	- Loại 070-074	137.641.000	36.949.000	63.387.000	600.000	41.752.000	600.000	52.833.000	370.704.000	123.120.000	135.642.000
	+ Chính sách trường chuyên										
	+ Chính sách An sinh xã hội	3.000.000	1.800.000	3.000.000	600.000	2.400.000	600.000	5.400.000	32.064.000	14.688.000	6.600.000
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật	134.641.000	35.149.000	60.387.000		39.352.000	0	47.433.000	338.640.000	108.432.000	129.042.000
	+ Chính sách An sinh xã hội										
	- Loại 070-092										
	- Loại 070-098										

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:										
		Trường THPT Đỗ Huy Liêu	Trường THPT Lý Nhân Tông	Trường THPT A Nghĩa Hưng	Trường THPT B Nghĩa Hưng	Trường THPT C Nghĩa Hưng	Trường THPT Nghĩa Minh	Trường THPT Trần Nhân Tông	Trường THPT Lý Tự Trọng	Trường THPT Nam Trực	Trường THPT Nguyễn Du	Trường THPT Trần Văn Bảo
A	*B*	*64*	*65*	*66*	*67*	*68*	*69*	*70*	*71*	*72*	*73*	*74*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**59.445.000**	**123.243.000**	**103.786.000**	**65.932.000**	**50.611.000**	**51.382.000**	**600.000**	**1.800.000**	**20.208.000**	**0**	**91.107.000**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ											
	Chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**59.445.000**	**123.243.000**	**103.786.000**	**65.932.000**	**50.611.000**	**51.382.000**	**600.000**	**1.800.000**	**20.208.000**	**0**	**91.107.000**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ											
0	Chi thường xuyên không giao tự chủ	59.445.000	123.243.000	103.786.000	65.932.000	50.611.000	51.382.000	600.000	1.800.000	20.208.000	0	91.107.000
	- Loại 070-074	59.445.000	123.243.000	103.786.000	65.932.000	50.611.000	51.382.000	600.000	1.800.000	20.208.000	0	91.107.000
	+ Chính sách trường chuyên											
	+ Chính sách An sinh xã hội	3.600.000	9.000.000	6.000.000	10.488.000	6.000.000	1.200.000	600.000	1.800.000	1.800.000		2.400.000
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật	55.845.000	114.243.000	97.786.000	55.444.000	44.611.000	50.182.000			18.408.000		88.707.000
	+ Chính sách An sinh xã hội											
	- Loại 070-092											
	- Loại 070-098											

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1864/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:										
		Trường THPT Trực Ninh	Trường THPT Trực Ninh B	Trường THPT Nguyễn Trãi	Trường THPT Lê Quý Đôn	Trường THPT A Hải Hậu	Trường THPT B Hải Hậu	Trường THPT C Hải Hậu	Trường THPT Thịnh Long	THPT Trần Quốc Tuấn	Trường THPT An Phúc	Trường THPT Vũ Văn Hiếu
A	*B*	*75*	*76*	*77*	*78*	*76*	*80*	*81*	*82*	*83*	*84*	*85*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**118.025.000**	**86.694.000**	**40.132.000**	**2.550.000**	**18.576.000**	**51.429.000**	**116.540.000**	**79.670.000**	**358.095.000**	**117.150.000**	**77.409.000**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ											
	Chi thường xuyên không giao tự chủ											
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**118.025.000**	**86.694.000**	**40.132.000**	**2.550.000**	**18.576.000**	**51.429.000**	**116.540.000**	**79.670.000**	**358.095.000**	**117.150.000**	**77.409.000**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ											
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	118.025.000	86.694.000	40.132.000	2.550.000	18.576.000	51.429.000	116.540.000	79.670.000	358.095.000	117.150.000	77.409.000
	- Loại 070-074	118.025.000	86.694.000	40.132.000	2.550.000	18.576.000	51.429.000	116.540.000	79.670.000	358.095.000	117.150.000	77.409.000
	+ Chính sách trường chuyên											
	+ Chính sách An sinh xã hội	3.600.000	600.000	2.400.000	2.550.000	18.576.000	1.800.000	4.200.000	3.600.000	22.776.000	4.200.000	4.200.000
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật	114.425.000	86.094.000	37.732.000			49.629.000	112.340.000	76.070.000	335.319.000	112.950.000	73.209.000
	+ Chính sách An sinh xã hội											
	- Loại 070-092											
	- Loại 070-098											

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:									
		Trường THPT Xuân Trường	Trường THPT Xuân Trường B	Trường THPT Xuân Trường C	Trường THPT Nguyễn Trường Thúy	Trường THPT Giao Thủy	Trường THPT Giao Thủy B	Trường THPT Giao Thủy C	Trường THPT Quất Lâm	Trung tâm GDNN-GDTX Nho Quan	Trung tâm GDNN-GDTX Gia Viễn
A	*B*	*86*	*87*	*88*	*89*	*90*	*91*	*92*	*93*	*94*	*95*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**										
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**201.402.000**	**147.499.000**	**67.053.000**	**174.532.000**	**86.121.000**	**447.305.000**	**9.600.000**	**16.868.000**	**0**	**0**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ										
	Chi thường xuyên không giao tự chủ										
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**201.402.000**	**147.499.000**	**67.053.000**	**174.532.000**	**86.121.000**	**447.305.000**	**9.600.000**	**16.868.000**	**0**	**0**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ										
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	201.402.000	147.499.000	67.053.000	174.532.000	86.121.000	447.305.000	9.600.000	16.868.000	0	0
	- Loại 070-074	201.402.000	147.499.000	67.053.000	174.532.000	86.121.000	447.305.000	9.600.000	16.868.000	0	0
	+ Chính sách trường chuyên										
	+ Chính sách An sinh xã hội	7.200.000	10.488.000	8.688.000	7.800.000	3.000.000	18.888.000	9.600.000	1.800.000		
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật	194.202.000	137.011.000	58.365.000	166.732.000	83.121.000	428.417.000		15.068.000		
	+ Chính sách An sinh xã hội									20.250.000	6.000.000
	- Loại 070-092										
	- Loại 070-098										

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1164/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:								
		Trung tâm GDNN-GDTX Kim Sơn	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Khánh	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Mô	Trung tâm GDNN-GDTX Tam Điệp	Trung tâm GDTX, TH &NN	Trường TC KT-KT và DL Ninh Bình	Trung tâm GDTX-HN Phủ Lý	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Lục	Trung tâm GDNN-GDTX Duy Tiên
A	*B*	*96*	*97*	*98*	*99*	*100*	*101*	*102*	*103*	*104*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**									
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-395.540.000**	**60.000.000**	**0**	**0**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ									
	Chi thường xuyên không giao tự chủ									
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-395.540.000**	**60.000.000**	**0**	**0**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ							60.000.000		
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0	0	-395.540.000	0	0	0
	- Loại 070-074	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Chính sách trường chuyên									
	+ Chính sách An sinh xã hội									
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật									
	+ Chính sách An sinh xã hội	12.900.000	9.300.000	8.100.000	11.850.000	-15.702.000		-74.415.000	-12.595.000	-1.800.000
	- Loại 070-092						-395.540.000			
	- Loại 070-098									

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1154/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:								
		Trung tâm GDNN-GDTX Kim Bảng	Trung tâm GDNN-GDTX Lý Nhân	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Liêm	Trung tâm GDTX Nam Định	Trung tâm GDTX Trần Phú	Trung tâm HN và GDTX Nam Định	Trường CĐ sư phạm Nam Định	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Định	Trung tâm GDNN-GDTX Ý Yên
A	*B*	*105*	*106*	*107*	*108*	*109*	*110*	*111*	*112*	*113*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**									
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ									
	Chi thường xuyên không giao tự chủ									
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ									
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	- Loại 070-074	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	+ Chính sách trường chuyên									
	+ Chính sách An sinh xã hội									
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật									
	+ Chính sách An sinh xã hội	-48.357.000	-15.610.000	1.200.000	5.400.000	1.800.000			1.800.000	5.400.000
	- Loại 070-092									
	- Loại 070-098									

Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

Biểu số 01

Chương: 422

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo quyết định từ số 1464/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Chi tiết theo đơn vị sử dụng:						
		Trung tâm GDNN-GDTX Nam Trực	Trung tâm GDNN-GDTX Vụ Bản	Trung tâm GDNN-GDTX Trực Ninh	Trung tâm GDNN-GDTX Giao Thủy	Trung tâm GDNN-GDTX Hải Hậu	Trung tâm GDNN-GDTX Xuân Trường	Trung tâm GDNN-GDTX Nghĩa Hưng
A	*B*	*114*	*115*	*116*	*117*	*118*	*119*	*120*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**							
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Quản lý hành chính**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	Chi thường xuyên giao tự chủ							
	Chi thường xuyên không giao tự chủ							
2	**Sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
a)	Chi thường xuyên giao tự chủ							
b)	Chi thường xuyên không giao tự chủ	0	0	0	0	0	0	0
	- Loại 070-074	0	0	0	0	0	0	0
	+ Chính sách trường chuyên							
	+ Chính sách An sinh xã hội							
	+ Chi trả chế độ GV dạy HS khuyết tật							
	+ Chính sách An sinh xã hội	1.200.000		7.200.000	11.088.000	3.600.000	6.600.000	6.000.000
	- Loại 070-092							
	- Loại 070-098							